

PHỤ LỤC SỐ 01

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND xã Vân Hồ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	UBND TỈNH GIAO NĂM 2025	HĐND XÃ GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ, ĐIỀU TIẾT			% HĐND/KH TỈNH GIAO
				NS TW	NS TỈNH	NS XÃ	
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8
	Tổng thu NS nhà nước	107.098,24	107.098,24	-	-	107.098,24	-
I	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	2.291,40	2.291,40	-	-	2.291,40	
1	Thu từ khu vực CTN - NQD	1.339,80	1.339,80	-	-	1.339,80	
2	Thu lệ phí trước bạ	129,60	129,60	-	-	129,60	
3	Thu phí và lệ phí	126,00	126,00	-	-	126,00	
4	Thuế thu nhập cá nhân	557,00	557,00	-	-	557,00	
5	Thu khác ngân sách	139,00	139,00	-	-	139,00	
II	Bổ sung từ ngân sách Tỉnh	104.806,84	104.806,84	-	-	104.806,84	-
1	Bổ sung cân đối ngân sách	104.763,04	104.763,04			104.763,04	
2	Bổ sung có mục tiêu	43,80	43,80	-	-	43,80	
2.1	Chương trình MTQG Nông thôn mới	43,80	43,80	-	-	43,80	
	Vốn đầu tư		-				
	Vốn sự nghiệp	43,80	43,80			43,80	

PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND xã Vân Hồ)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG CHI	UBND TỈNH GIAO NĂM 2025	HĐND XÃ GIAO NĂM 2025	TRONG ĐÓ,					CHÊNH LỆCH SO VỚI TỈNH GIAO
				CHI NS XÃ	CHI NS ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP	Kinh phí 10% số tiết kiệm chi	Trong đó		
							Ngân sách xã	Các đơn vị sự nghiệp	
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7=8+9	8	9	10
	Tổng chi ngân sách	107.098,24	107.098,24	37.345,80	69.535,44	217,00	50,00	167,00	
A	Chi cân đối ngân sách địa phương	107.054,44	107.054,44	37.302,00	69.535,44	217,00	50,00	167,00	
I	Chi thường xuyên	106.377,44	106.377,44	36.625,00	69.535,44	217,00	50,00	167,00	-
1.1	Chi sự nghiệp kinh tế, môi trường	284,00	284,00	284,00		-			-
1.2	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	66.180,35	66.180,35	120,00	65.924,35	136,00		136,00	-
1.3	Chi sự nghiệp VH-TT-TDTT-TTTH	3.854,09	3.854,09	212,00	3.611,09	31,00		31,00	-
1.4	Chi đảm bảo xã hội	5.066,50	5.066,50	5.066,50		-			-
1.5	Chi quản lý hành chính	25.731,50	25.731,50	25.681,50		50,00	50,00		-
1.6	Chi an ninh - quốc phòng	3.351,00	3.351,00	3.351,00		-			-
1.7	Chi khác ngân sách	1.910,00	1.910,00	1.910,00		-			-
II	Dự phòng ngân sách xã	677,00	677,00	677,00					-
B	Chi chương trình mục tiêu NSTW quốc gia	43,80	43,80	43,80	-	-	-	-	-
I	Chương trình MTQG Nông thôn mới	43,80	43,80	43,80					
1	Vốn đầu tư		-	-					
2	Vốn sự nghiệp	43,80	43,80	43,80	-				

PHỤ LỤC SỐ 03

CHI TIẾT PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND xã Vân Hồ)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG CHI	Mã nguồn kinh phí	DỰ TOÁN HĐND XÃ GIAO NĂM 2025	Chi cân đối ngân sách xã	TRONG ĐÓ,								Chi CTMTQG	Ghi chú
					Chi sự nghiệp kinh tế, môi trường	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi sự nghiệp VHTT-TDTT- TTTH	Chi đảm bảo xã hội	Chi quản lý hành chính	Chi an ninh - quốc phòng	Chi khác ngân sách	Dự phòng ngân sách		
	A	1	2=3+12	3=4+5+6+7+8+ 9+10+11	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
	Tổng chi ngân sách		107.098,24	107.054,44	284,00	66.180,35	3.854,09	5.066,50	25.731,50	3.351,00	1.910,00	677,00	43,80	
A	Chi cân đối ngân sách xã		107.054,44	107.054,44	284,00	66.180,35	3.854,09	5.066,50	25.731,50	3.351,00	1.910,00	677,00	-	
I	Các cơ quan thuộc xã Vân Hồ		37.272,00	37.272,00	284,00	120,00	212,00	5.066,50	25.651,50	3.351,00	1.910,00	677,00	-	
1	Đảng ủy xã Vân Hồ		3.032,49	3.032,49	-	-	-	-	3.032,49	-	-	-	-	
2	Ủy ban mặt trận tổ quốc		930,62	930,62	-	-	-	-	930,62	-	-	-	-	
3	Văn phòng HĐND - UBND xã Vân Hồ		7.063,10	7.063,10	-	-	-	90,50	4.804,56	1.213,04	955,00	-	-	
4	Phòng Văn hóa - Xã hội		1.909,48	1.909,48	-	75,92	112,30	445,81	1.275,45	-	-	-	-	
5	Phòng Kinh tế		1.068,03	1.068,03	38,67	-	-	-	1.029,36	-	-	-	-	
6	Trung tâm hành chính công		660,33	660,33	-	-	-	-	660,33	-	-	-	-	
7	Kinh phí chưa phân bổ		615,94	615,94	-	-	-	-	50,00	-	-	565,94	-	
8	Số đã chi 6 tháng đầu năm tại các xã trước khi sáp nhập		21.992,00	21.992,00	245,33	44,08	99,70	4.530,19	13.868,69	2.137,96	955,00	111,06	-	
II	Các đơn vị sự nghiệp		69.782,44	69.782,44	-	66.060,35	3.642,09	-	80,00	-	-	-	-	
1	Trung tâm chính trị		1.444,30	1.444,30	-	1.444,30	-	-	-	-	-	-		
2	Trường Mầm non Vân Hồ		6.812,60	6.812,60	-	6.812,60	-	-	-	-	-	-	-	
3	Trường Mầm non Chiềng Yên		3.404,50	3.404,50	-	3.404,50	-	-	-	-	-	-	-	
4	Trường Mầm non Mường Men		1.870,20	1.870,20	-	1.870,20	-	-	-	-	-	-	-	
5	Trường Mầm non Lóng Luông		5.420,70	5.420,70	-	5.420,70	-	-	-	-	-	-	-	
6	Trường TH&THCS Chiềng Yên		8.470,00	8.470,00	-	8.470,00	-	-	-	-	-	-	-	

STT	NỘI DUNG CHI	Mã nguồn kinh phí	DỰ TOÁN HĐND XÃ GIAO NĂM 2025	Chi cân đối ngân sách xã	TRONG ĐÓ,								Chi CTMTQG	Ghi chú
					Chi sự nghiệp kinh tế, môi trường	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi sự nghiệp VHTT-TDTT- TTTH	Chi đảm bảo xã hội	Chi quản lý hành chính	Chi an ninh - quốc phòng	Chi khác ngân sách	Dự phòng ngân sách		
	A	1	2=3+12	3=4+5+6+7+8+ 9+10+11	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
7	Trường TH&THCS Mường Men		4.948,00	4.948,00	-	4.948,00	-	-	-	-	-	-	-	
8	Trường Tiểu học Lóng Luông		9.821,80	9.821,80	-	9.821,80	-	-	-	-	-	-	-	
9	Trường Tiểu học Vân Hồ		12.203,70	12.203,70	-	12.203,70	-	-	-	-	-	-	-	
10	Trường THCS Lóng Luông		6.982,40	6.982,40	-	6.982,40	-	-	-	-	-	-	-	
11	Trường THCS Vân Hồ	13	4.682,15	4.682,15	-	4.682,15	-	-	-	-	-	-	-	
12	Trung tâm Truyền thông Văn hóa		3.722,09	3.722,09	-	-	3.642,09	-	80,00	-	-	-	-	
B	Chi chương trình mục tiêu NSTW quốc gia		43,80	-	-	-	-	-	-	-	-	-	43,80	
II	Chương trình MTQG Nông thôn mới		43,80	-	-	-	-	-	-	-	-	-	43,80	
1	Vốn đầu tư													
2	Vốn sự nghiệp		43,80	-	-	-	-	-	-	-	-	-	43,80	
2.1	Phòng Kinh tế		43,80	-	-	-	-	-	-	-	-	-	43,80	